

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/DNP/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3836 843

Fax: (0251) 3836 174

E-mail: info@nhuadongnai.vn

Mã số doanh nghiệp: 3600662561

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:Ngày Cấp/Nơi cấp:.....(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TÚI ĐỰNG THỰC PHẨM

2. Thành phần: Nguyên liệu hạt nhựa tổng hợp HDPE & LLDPE, Phụ gia tự hủy.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 5 năm kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Đóng gói trong hộp giấy, quy cách đóng gói 120 cái/ hộp.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):.....



Handwritten signature

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 12-1: 2011/BYT ; hoặc
- Thông tư của các bộ, ngành; hoặc
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hoặc
- Tiêu chuẩn Quốc gia (trong trường hợp chưa có các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các Bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương); hoặc
- Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia); hoặc
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia, Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Biên Hòa, ngày 09 tháng 09 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC SẢN XUẤT
Trần Thế Sĩ

07-
Y
AN
JA
JNA
A-T.E

inochi

Túi thực phẩm Shinsen

しんせん食品用袋

3L

120 túi

25x35 cm

+20%
Số túi



• Tiêu chuẩn xuất khẩu châu Âu
EU輸出基準を満たす

• Sản phẩm dùng để đựng và bảo quản thực phẩm, phù hợp sử dụng ở nhiệt độ từ -40°C đến 120°C.
Thành phần 100% nguyên liệu nhựa an toàn, hoàn toàn không chứa chlorine và bất kỳ chất phụ gia độc hại sức khoẻ.

• Sản phẩm dẻo dai, co giãn tốt, khó rách
強度があり、伸び性があって、破れにくい

inochi

Mã sản phẩm:

HDSD:

Khuyến cáo:

Thành phần:

Trọng lượng:

HIN:TUTPDAN3.0L

Dùng để đựng thực phẩm

Không dùng chất lỏng. Tránh tiếp xúc trực tiếp với nhiệt độ cao.

Không tiếp xúc với vật sắc nhọn. Bộc kín miệng túi trước khi để vào tủ lạnh.

Nguyên liệu hạt nhựa tổng hợp HDPE & LLDPE, Phụ gia tự hủy.

240 g



SẢN XUẤT BỞI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3836843

PHÂN PHỐI BỞI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Hoà Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38609003



Xuất xứ: Việt Nam

Ngày SX:

HSD: 5 năm kể từ ngày sản xuất

Số công bố: 02/DNP/2020



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2020-00084964
 Mã số kết quả: AR-20-VD-090223-01 / EUVNHC-00114184



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1
 Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa
 Tỉnh Đồng Nai
 Việt Nam

Tên mẫu: TÚI THỰC PHẨM
 Tình trạng mẫu: Mẫu túi nhựa
 Ngày nhận mẫu: 23/09/2020
 Thời gian thử nghiệm: 23/09/2020 - 30/09/2020
 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 30/09/2020
 Mã số PO của khách hàng: ZG4L200923358



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD750 VD (a) Chì (Pb)	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Phát hiện vết (<0.25)
2	VD751 VD (a) Cadmi (Cd)	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.04)
3	VD755 VD (a) Kim loại nặng quy Pb (Acid Acetic 4%, 60°C, 30 phút)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD = 0.4)
4	VD759 VD (a) Cặn khô (Heptane, 25°C, 60 phút)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)
5	VD760 VD (a) Cặn khô (Ethanol 20%, 60°C, 30 phút)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)
6	VD761 VD (a) Cặn khô (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)
7	VD762 VD (a) Cặn khô (A.acetic 4% 60°C, 30 phút)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)
8	VD295 VD (a) Lượng KMnO4 sử dụng (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=1)
9	UZB2B UZ Định danh vật liệu		Agilent FTIR ASTM E1252-98	POLYETHYLENE

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vĩ 30/09/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 (!): Thông tin này được cung cấp bởi khách hàng
 "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238
 "UZ": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Consumer Product Testing Vietnam.

